

Số: 371/BC-BCA

Hà Nội, ngày 20 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO
Về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong
dự án Luật Căn cước

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Luật Bình đẳng giới và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành có liên quan, Bộ Công an báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Căn cước như sau:

I. MỤC TIÊU LỒNG GHÉP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT CĂN CƯỚC

1. Mục tiêu chung

Bảo đảm không làm phát sinh bất bình đẳng giới trong quy định các nội dung cụ thể và trong quá trình soạn thảo, ban hành Luật Căn cước.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xác định có hay không có sự phân biệt về giới tính trong các chính sách, quy định và trong quá trình xây dựng Luật Căn cước.

- Xoá bỏ phân biệt đối xử về giới, tạo cơ hội như nhau cho nam và nữ, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, phù hợp với đặc thù của mỗi giới trong quy định xác định căn cước của mỗi công dân, giá trị sử dụng của thẻ căn cước công dân, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân thực hiện các chính sách liên quan đến căn cước.

- Bảo đảm sự tham gia bình đẳng của nam, nữ, của các cơ quan, tổ chức, đoàn thể đại diện cho các giới tính trong quá trình xây dựng Luật Căn cước.

II. LỒNG GHÉP GIỚI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ ÁN LUẬT CĂN CƯỚC

1. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong việc thành lập và xác định thành phần của Ban soạn thảo, Tổ biên tập dự án Luật

Thực hiện Điều 53 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2020), Điều 21 Luật Bình đẳng giới và Điều 12 Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, cơ quan chủ trì

soạn thảo thành lập Ban Soạn thảo, Tổ biên tập tham gia xây dựng dự án Luật Căn cước với sự tham gia đầy đủ, bảo đảm sự bình đẳng tham gia của cả thành viên nam, nữ, đại diện cơ quan: Văn phòng Chính phủ; Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Nội vụ; Bộ Công an; Bộ Quốc phòng; Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội; Bộ Ngoại Giao; Bộ Thông tin và Truyền thông; Bộ Y tế; Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Vụ Quốc phòng và an ninh, Văn phòng Quốc Hội và các chuyên gia theo đúng quy định.

2. Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quá trình soạn thảo xây dựng Luật Căn cước

Thực hiện quy định tại Điều 21 Luật Bình đẳng giới, Điều 10 Nghị định số 48/2009/NĐ-CP ngày 19/5/2009 của Chính phủ về các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới, Điều 13 Thông tư số 17/2014/TT-BTP ngày 13/8/2014 của Bộ Tư pháp quy định về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, trong quá trình xây dựng dự án Luật, cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng Báo cáo đánh giá tác động gồm đánh giá tác động về giới đối với mỗi chính sách sửa đổi, bổ sung quy định về căn cước công dân; thể hiện trong tờ trình trình cơ quan có thẩm quyền về dự thảo văn bản quy phạm pháp luật nội dung lồng ghép vấn đề bình đẳng giới.

Đồng thời, cơ quan chủ trì soạn thảo tổ chức các cuộc họp của Tổ biên tập và Ban soạn thảo, gửi Công văn xin ý kiến các bộ, ngành, địa phương cũng như ý kiến tham vấn của các chuyên gia; tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm xin ý kiến về các quy định được quy định trong dự thảo Luật với sự tham gia của tất cả các thành viên gồm cả nam, nữ, đại diện các giới. Tại các cuộc họp, hội thảo, tọa đàm, cơ quan chủ trì soạn thảo đều gián tiếp hoặc trực tiếp lồng ghép các vấn đề về bình đẳng giới theo quy định của pháp luật bình đẳng giới; bảo đảm sự tham gia góp ý của tất cả các thành viên nam và nữ.

Ngoài ra, cơ quan chủ trì soạn thảo thực hiện đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ và Bộ Công an để lấy ý kiến tham gia của toàn thể xã hội, không phân biệt nam, nữ.

III. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ GIỚI, LỒNG GHÉP CÁC BIỆN PHÁP BÌNH ĐẲNG GIỚI TRONG DỰ ÁN LUẬT CĂN CƯỚC VÀ DỰ BÁO TÁC ĐỘNG

1. Cơ sở để thực hiện lồng ghép bình đẳng giới

Việc thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự thảo Luật dựa trên cơ sở pháp lý gồm Điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia và các quy định của pháp luật trong nước, cụ thể như sau:

Thứ nhất, Việt Nam đã là thành viên của một số điều ước quốc tế quan trọng liên quan đến giới và bình đẳng giới như: Công ước loại bỏ mọi hình thức

phân biệt đối xử với phụ nữ năm 1979 (CEDAW), Công ước số 45 về sử dụng lao động nữ trong hầm mỏ, Công ước số 100 về trả công bình đẳng giữa lao động nam và nữ; Công ước số 111 về không phân biệt đối xử trong việc làm và nghề nghiệp... Các Công ước này đều nhấn mạnh việc bình đẳng giới, loại bỏ hình thức phân biệt đối xử trong mọi lĩnh vực, vai trò của các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới và yêu cầu cụ thể hóa các cam kết quốc tế vào pháp luật trong nước là trách nhiệm của các nước thành viên.

Thứ hai, Hiến pháp Việt Nam từ những năm 1946 đã quy định “không phân biệt gái, trai” (Điều 1), “đàn bà ngang quyền với đàn ông về mọi phương diện” (Điều 9). Quy định về việc “bình đẳng” “không phân biệt trong mọi lĩnh vực” giữa nam và nữ tiếp tục được khẳng định tại Điều 22, 23, 24 Hiến pháp năm 1959; Điều 55, 57, 63 Hiến pháp năm 1980; Điều 52, 54, 63 Hiến pháp năm 1992. Hiến pháp 2013 tiếp tục khẳng định “công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt”; “Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng” (Điều 16); Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội; nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới (Điều 26); Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em (Điều 36)...

Thứ ba, thể chế hoá quy định của Hiến pháp, Quốc hội ban hành Luật Bình đẳng giới năm 2006. Luật quy định các khái niệm về bình đẳng giới, biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới, chính sách của Nhà nước về bình đẳng giới. Đồng thời, Chính phủ, các bộ, ngành cũng ban hành Nghị định, Thông tư quy định chi tiết Luật Bình đẳng giới, trong đó, lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực: chính trị, kinh tế, lao động, y tế, gia đình... và trong xây dựng văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm thực thi đầy đủ các quy định về quyền bình đẳng giới.

Như vậy, đến nay, Việt Nam đã từng bước và cơ bản xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật về giới và bình đẳng giới với những yêu cầu pháp lý cụ thể, đồng bộ, thống nhất trong quy định, thực hiện chính sách đối với những quan hệ xã hội có nhạy cảm giới và trong xây dựng, hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Bên cạnh các quy định nêu trên, việc lồng ghép các quy định về bình đẳng giới căn cứ vào hoàn cảnh, cần phù hợp với điều kiện phát triển trong từng thời kỳ. Trước kia, bình đẳng giới chịu chi phối không nhỏ bởi sự phân biệt giàu nghèo, sự phụ thuộc về vị trí xã hội, nghề nghiệp, nhân thân, gia đình... làm tăng các quan hệ mà một bên trở thành phái mạnh còn bên kia là yếu thế; trong đó, có nhiều quan hệ người phụ nữ thuộc về bên yếu thế. Việt Nam hiện đang tiếp cận đến nền kinh tế thị trường đầy đủ, bên cạnh những thành tựu kinh tế và những tiến bộ về sự phát triển của phụ nữ, cũng có những thách thức mới trong thực hiện, bảo vệ tốt hơn các quyền con người và thực hiện bình đẳng giới. Bởi vì, người phụ nữ mặc dù đã được thể hiện vai trò, vị trí của mình trên hầu hết các lĩnh vực kinh tế,

chính trị, quan hệ, ngoại giao; tuy nhiên, vẫn là chủ lực chính gánh vác các quan hệ, trách nhiệm gia đình, nên chưa phát huy được đầy đủ năng lực, hạn chế sự vươn tầm của phụ nữ.

Vì vậy, trong giai đoạn này, để tiếp tục phát huy những kết quả đạt được từ việc thực hiện bình đẳng giới, bên cạnh những biện pháp lồng ghép bình đẳng giới, cần thiết lồng ghép các quy định tăng cường vai trò của nữ giới, hỗ trợ, biện pháp phát triển, tạo điều kiện, cơ hội cho nữ giới.

2. Xác định vấn đề giới trong dự án Luật Căn cước

Thẻ căn cước công dân là giấy tờ tùy thân của công dân Việt Nam, có giá trị chứng minh về căn cước công dân của người được cấp thẻ để thực hiện các giao dịch trên lãnh thổ Việt Nam. Từ khi ra đời năm 2014, Luật Căn cước công dân năm 2014 đã xác định thẻ căn cước là chung cho mọi công dân, không phân biệt giới tính. Mặc dù công dân bao gồm giới tính nam và nữ, nhưng Luật quy định các thông tin về căn cước công dân một cách nói chung gồm lai lịch và nhân dạng, không có sự phân biệt thông tin căn cước dành cho nam khác với thông tin căn cước dành cho nữ, trừ thông tin về giới tính để phù hợp với nhân dạng, đặc thù về giới của từng công dân. Các công dân có quyền lợi và nghĩa vụ ngang nhau khi làm thủ tục về căn cước công dân.

Dự thảo Luật Căn cước quy định tất cả công dân Việt Nam đều được cấp thẻ và từ đủ 14 tuổi phải thực hiện cấp thẻ căn cước công dân; bổ sung quy định cấp Giấy chứng nhận căn cước cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch; quy định về căn cước công dân điện tử và hoàn thiện quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại thẻ căn cước công dân, kết nối, chia sẻ Cơ sở dữ liệu căn cước công dân và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư hướng tới phát triển các ứng dụng, dịch vụ tiện ích của thẻ căn cước công dân vào giao dịch dân sự, thực hiện chuyển đổi số, cải cách thủ tục hành chính Theo đó, dự thảo Luật tiếp tục quy định mọi công dân đều có vị trí, vai trò, quyền, nghĩa vụ ngang nhau, hoàn toàn bình đẳng về căn cước; không phân biệt về trình tự, thủ tục cấp, cấp đổi, cấp lại đối với công dân nam và công dân nữ, việc tiếp công dân nam và nữ đến làm thủ tục về căn cước là như nhau. Đồng thời, bổ sung quy định bảo đảm và phát huy hơn nữa quyền và nghĩa vụ về căn cước của không chỉ cho công dân Việt Nam mà còn bổ sung quy định cho người gốc Việt Nam chưa xác định được quốc tịch, mở rộng độ tuổi được cấp thẻ công dân để tạo điều kiện cho công dân, gia đình của công dân, không phân biệt nam, nữ được thực hiện các quyền, giao dịch cần sử dụng căn cước công dân.

Như vậy, dự thảo Luật không có quy định phân biệt giới dẫn tới bất bình đẳng giới.

3. Các biện pháp lồng ghép giới trong xây dựng dự thảo Luật Căn cước

Dự thảo Luật đã đề xuất các biện pháp lồng ghép vấn đề bình đẳng giới ở những quy định cụ thể sau:

Thứ nhất, trên cơ sở bảo đảm các nguyên tắc bình đẳng giới, dự thảo Luật tiếp tục quy định về căn cước cho mọi công dân, bổ sung quy định về căn cước cho Người gốc Việt, không phân biệt nam, nữ (Điều 1, Điều 2) để tạo điều kiện và thuận tiện cho giao dịch của những người này khi sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam). Dự thảo Luật xác định giá trị sử dụng căn cước của mọi công dân là như nhau, không phân biệt nam nữ (Điều 21); quyền, nghĩa vụ của công dân trong thực hiện các quy định pháp luật về căn cước công dân là ngang nhau (Điều 5); quyền, nghĩa vụ, thực hiện thủ tục cấp Giấy chứng nhận về căn cước không phân biệt, đối xử giữa nam và nữ, đều thực hiện như nhau (Điều 7); trách nhiệm của cơ quan quản lý nhà nước về căn cước đối với công dân, người gốc Việt là nam và là nữ giống nhau (Điều 6), quy định về các hành vi cấm cũng không có sự phân biệt, đối xử giữa nam và nữ, đều bình đẳng trước pháp luật (Điều 8).

Thứ hai, dự thảo Luật sửa đổi quy định người được cấp thẻ căn cước công dân là người công dân Việt Nam có quyền được yêu cầu cấp thẻ căn cước, người từ 14 tuổi trở lên phải thực hiện thủ tục cấp thẻ căn cước công dân. Quy định này là một trong những biện pháp thúc đẩy quyền lợi của bà mẹ và trẻ em thực hiện quy định tại điểm d khoản 1 Điều 7 Thông tư số 17/2014/TT-BTP, tạo điều kiện để trẻ em cũng thực thi quyền về căn cước công dân, sử dụng thẻ căn cước công dân ngay từ khi mới chào đời vào các giao dịch phù hợp.

Bên cạnh đó, dự thảo Luật quy định những giải pháp như là bổ sung thông tin lưu trữ trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (Điều 10, Điều 16); quy định việc tích hợp thông tin khác ngoài thông tin trong Cơ sở dữ liệu căn cước vào thẻ Căn cước công dân; thẻ Căn cước công dân có giá trị sử dụng để cung cấp thông tin về công dân và tương đương việc xuất trình các giấy tờ do cơ quan có thẩm quyền cấp có thông tin đã được in hoặc tích hợp trong thẻ Căn cước công dân (Điều 21)...; hoàn thiện quy định về quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước (Chương V); căn cước công dân điện tử (Chương IV); quy định về việc sử dụng thống nhất thẻ căn cước công dân và việc hạn chế phát sinh thủ tục hành chính có liên quan. Đây là những giải pháp có ý nghĩa vì sự tiến bộ của xã hội nói chung và của phụ nữ nói riêng.

Trong quá trình đề nghị xây dựng Luật Căn cước, cơ quan chủ trì soạn thảo đã dự kiến nguồn nhân lực, tài chính bảo đảm việc thi hành Luật. Dự thảo Luật cũng đã quy định một Chương về bảo đảm điều kiện cho hoạt động quản lý căn cước công dân, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và Cơ sở dữ liệu căn cước (Chương V) để tính toán đầy đủ, hợp lý, bảo đảm tính khả thi của các biện pháp quy định trong luật, trong đó, có các biện pháp bảo đảm bình đẳng giới nêu trên.

4. Dự báo tác động của các quy định trong dự án Luật khi được ban hành đối với vấn đề giới

Sau khi được ban hành, dự án Luật không tạo nguy cơ xảy ra bất bình đẳng giới, phân biệt đối xử thiếu công bằng đối với nữ giới, các đối tượng yếu thế trong xã hội. Đồng thời, các chính sách này giúp giảm chi phí khi triển khai cung cấp các dịch vụ hành chính công trên môi trường điện tử; việc vận hành, quản lý các cơ sở dữ liệu của cơ quan Nhà nước và hạn chế phát sinh chi phí để bảo đảm an ninh, an toàn khi tham gia các hoạt động giao dịch điện tử; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước đối với tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân. Giải quyết được các khó khăn, vướng mắc liên quan đến quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng thông tin trong Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; phát huy được giá trị của các tiện ích liên quan đến ứng dụng dữ liệu dân cư, căn cước công dân, thẻ Căn cước công dân, tài khoản định danh điện tử đến tổ chức, cá nhân; cắt giảm và đơn giản hóa được nhiều thủ tục hành chính liên quan đến cập nhật, bổ sung, đính chính thông tin căn cước công dân.

Các chính sách và quy định tại dự thảo Luật tác động toàn diện mọi mặt tới mọi đối tượng trong toàn xã hội, tạo điều kiện cho mọi đối tượng từ công dân, người gốc Việt sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp. Quá trình xây dựng Luật đã bám sát các quy định của pháp luật bình đẳng giới, lồng ghép các biện pháp thúc đẩy bình đẳng giới; vì vậy, việc thụ hưởng các chính sách sẽ góp phần tạo điều kiện cho công dân nữ, người gốc Việt là nữ giới được thuận lợi hơn trong thực hiện các giao dịch, có cơ hội phát huy được vai trò, vị trí của mình trong quá trình kiến tạo Chính phủ số, công dân số, góp phần vào sự phát triển và tiến bộ của nữ giới.

Trên đây là Báo cáo về lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong dự án Luật Căn cước./.

Nơi nhận:

- Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Các đồng chí Thứ trưởng Bộ Công an;
- Lưu: VT, V03(P3).

BỘ TRƯỞNG

(Đã ký)

Đại tướng Tô Lâm